NHA TRANG - KHÁNH HÒA
TIỀM NĂNG VÀ NHỮNG ĐẶC TRƯNG CON NGƯỜI, VĂN HÓA

NGUYỄN VĂN KIM*

Tóm tắt: Nha Trang - Khánh Hòa từ lâu được coi là một không gian tự nhiên, lịch sử, văn hóa có vị thế chiến lược quan trọng. Trong không gian đó, từng diễn ra nhiều biến chuyển chính trị, xã hội, văn hóa. Là một vùng đất có chiều sâu lịch sử, cơ tầng văn hóa đa dạng, phong phú, Khánh Hòa có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển theo mô hình phát triển xanh, bền vững.

Bài viết tập trung phân tích vị thế địa - chiến lược, địa - văn hóa của Nha Trang - Khánh Hòa, thế mạnh của nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên vị thế và những đặc trưng của nguồn tài nguyên nhân văn, văn hóa. Sắc thái văn hóa tộc người, chiều sâu và sự giao hòa liên - xuyên văn hóa, liên - xuyên thời gian,… là nguồn tài nguyên lớn, thế mạnh của Khánh Hòa trước đây cũng như sự nghiệp xây dựng, bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay.

Từ khóa: Nha Trang, Khánh Hòa, tiềm năng, văn hóa, con người.

Abstract: Nha Trang- Khánh Hòa has long been regarded as a natural, historical, and cultural space of significant strategic importance. Within this space, numerous political, social, and cultural transformations have taken place. As a land with deep historical layers and a diverse, rich cultural substratum, Khánh Hòa possesses considerable potential and advantages for development along a green and sustainable model. Drawing upon historical methods, approaches, and an interdisciplinary research mindset, this article focuses on analyzing the geo-strategic and geo-cultural position of Nha Trang - Khánh Hòa, the strengths of its natural resources and positional assets, as well as the distinctive characteristics of its human and cultural resources. The ethnic cultural nuances, historical depth, and processes of intercultural and trans-temporal interaction and integration constitute major resources and enduring strengths of Khánh Hòa, both in the past and in the present endeavor of building and safeguarding maritime sovereignty.

Keywords: Nha Trang, Khanh Hoa, Potential, Culture, Human.

Ngày nhận bài: 14/10/2025; Ngày phản biện: 5/11/2025; Ngày duyệt đăng: 20/12/2025.

1. Đặt vấn đề

Nha Trang - Khánh Hòa từ lâu được coi là một không gian tự nhiên, lịch sử, văn hóa có vị thế chiến lược quan trọng. Trong không gian đó, từng diễn ra nhiều biến chuyển chính trị, xã hội, văn hóa. Là một vùng đất có chiều sâu lịch sử, cơ tầng văn hóa đa dạng, phong phú, Khánh Hòa có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển theo mô hình phát triển xanh, bền vững.

Bài viết tập trung phân tích vị thế địa - chiến lược, địa - văn hóa của Nha Trang - Khánh Hòa, thế mạnh của nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên vị thế và những đặc trưng của nguồn tài nguyên nhân văn, văn hóa. Sắc thái văn hóa tộc người, chiều sâu và sự giao hòa liên - xuyên văn hóa, liên - xuyên thời gian,… là nguồn tài nguyên lớn, thế mạnh của Khánh Hòa trước đây cũng như sự nghiệp xây dựng, bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay.

2. Kết quả và thảo luận

2.1. Tiềm năng, vị thế của một không gian kinh tế, văn hóa

Từ cái nhìn, cách tiếp cận khu vực học và liên ngành, có thể thấy Nha Trang - Khánh Hòa là vùng đất, không gian tự nhiên, văn hóa tộc người từng diễn ra nhiều biến chuyển lịch sử, xã hội quan trọng. Trong tác phẩm nổi tiếng *Phủ biên tạp lục* viết năm 1776, Lê Quý Đôn từng nhiều lần ghi chú về địa danh "Nha Trang". Theo đó có "nguồn Nha Trang", "đầm

*GS.TS. Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội. Email: kimnguyenvanls@gmail.com

Nha Trang", "dinh Nha Trang", "chợ dinh Nha Trang" (thuộc phủ Diên Khánh) và "đèo Nha Trang" (thuộc phủ Bình Khang),... Lê Quý Đôn cho rằng, đó là một vùng giàu có: "phàm hóa vật đều được sản xuất ở các phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Bình Khang và dinh Nha Trang" (Lê Quý Đôn, 1977: 234). Về tên gọi "Nha Trang" có nhiều cách biện giải. Có thuyết cho rằng (G.Maussay - Thái Văn Kiểm - Quách Tấn - Nguyễn Đình Tư), tên gọi Nha Trang có gốc từ tiếng Chăm "Ya Trang" (có nghĩa là Sông Lau) (Nguyễn Man Nhiên, 2002: 25-27). Như vậy, Nha Trang là địa danh mang tính phổ quát, dùng để chỉ phủ Diên Khánh, Bình Khang và một số đơn vị hành chính khác trước đây của Khánh Hòa.

Trải rộng trên cả ba không gian, ba hệ sinh thái: Núi rừng, châu thổ và biển đảo, vị thế địa lý tự nhiên của tỉnh Khánh Hòa được các sử gia triều Nguyễn ghi chép cụ thể: "Phía Đông giáp biển cả, phía Tây nắm sơn man, phía Nam liền Bình Thuận, phía Bắc giáp Phú Yên; ba mặt núi bọc, một mặt giáp biển. Núi Đại An chắn ngang ở phía Bắc, vụng Nha Trang quanh ở phía Đông, phía Tây Nam núi gò trùng điệp, nhân địa lợi mà xây thành chốn hiểm trở do trời đặt; núi cao thì có Tam Phong và Đại An, sông lớn thì có Vĩnh An và Phú Lộc, núi khe quanh quất, đường sá gập ghềnh. Các bảo Nha Trang, Bình Nguyên khống chế sơn man, các tấn Cù Huân lớn nhỏ, phòng ngăn hải phỉ. *Thật là đất hình thế trọng yếu ở một phương*" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997: 92).

Nhận thấy tiềm năng tự nhiên và nguồn tài nguyên của một vùng đất - biển đảo, từ khoảng 3.000 năm trước, các tộc người cổ đã đến vùng Nha Trang - Khánh Hòa sinh tụ, định cư, sáng tạo các nền văn hóa. Trải qua các thời kỳ phát triển của Văn hóa Sa Huỳnh, Văn hóa Lâm Ấp - Champa, các cộng đồng cư dân cổ đã dần lập nên các không gian văn hóa - xã hội trù mật. Đến thế kỷ XVII, một số đơn vị hành chính cơ bản đã được thiết lập. Về sự hình thành hai phủ Thái Khang và Diên Khánh, sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi rõ: "Bản triều, năm Quý Tỵ thứ 5 đời Thái Tông (Nguyễn Phúc Tần) (1675), vua Chiêm Thành là Bà Bật lấn biên giới, bản triều sai cai cơ Hùng Lộc hầu đi đánh. Người Chiêm hàng, do đấy chiếm lấy đất từ sông Phan Rang trở về phía đông đến địa giới Phú Yên, đặt 2 phủ (Thái Khang và Diên Ninh)… Năm Canh Ngọ thứ 3 (1690), đời Anh Tông, đổi phủ Thái Khang làm phủ Bình Khang; năm Nhâm Tuất thứ 4 (1742) đời Thế Tông, đổi phủ Diên Ninh làm phủ Diên Khánh…" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997: 88-89). Tỉnh Khánh Hoà được lập năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), nhưng đến năm Thành Thái thứ 13 (1901), mới có địa giới tương đương hai phủ Bình Khang và Diên Khánh, gồm 2 phủ là Diên Khánh (với 2 huyện: Phúc Điền, Vĩnh Xương) và phủ Ninh Hoà (Bình Khang xưa) có 2 huyện là Quảng Phúc, Tân Định (Đào Duy Anh, 2005: 213).

Là xứ sở có nhiều đồi núi, *Đại Nam nhất thống chí* đã khảo cứu, mô tả tổng quan về 35 ngọn/dãy núi ở đất Khánh Hòa xưa mà phần lớn chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Núi rừng chiếm 75% diện tích toàn tỉnh. Với cái nhìn địa - văn hóa, nghĩ suy về sự vận động kiến tạo của thế giới tự nhiên, tác giả Trần Quốc Vượng từng cho rằng, những "đường nét sơn văn ấy quyết định những đường nét thủy văn, ngọn nguồn của các dòng sông chảy về Biển Đông, xuống các vụng bể của Khánh Hòa và hai tỉnh anh em Ninh - Bình Thuận" (Trần Quốc Vượng, 1998: 448). Những kiến tạo sơn văn, dòng chảy thủy văn, sự kết nối giữa biển và lục địa là huyết mạch chủ đạo trong sự vận động, kết nối các không gian kinh tế, văn hóa của Nha Trang - Khánh Hòa.

Về địa thế, Nha Trang - Khánh Hòa là vùng có "hình thế trọng yếu" ở phương Nam. Tính chất giao hòa của những đặc tính tự nhiên, quá trình hội lưu nhiều yếu tố địa - văn hóa khác nhau chính là nét đặc trưng nổi bật của một

vùng đất. Nét đặc trưng đó càng được nhân lên bởi các cộng đồng cư dân và cảnh sắc độc đáo của Nha Trang - Khánh Hòa[1]. Do sự vận động kiến tạo của các dải núi chạy thông ra biển, nên Nha Trang - Khánh Hòa có nhiều đảo, vũng, vịnh. Bờ biển từ Nam Khánh Hòa đến Ninh Thuận, Bình Thuận khúc khuỷu, gồm có nhiều mũi đá vươn ra đại dương đã tạo nên các vụng biển. Trong số đó, Mũi Dinh, mũi Sừng Trâu, Mũi Né có vai trò quan trọng trong việc "đổi hướng của bờ biển ngày càng lệch xa hơn về phái Tây Nam hoặc Tây - Tây Nam, chuẩn bị cho sự xuất hiện của bờ biển Nam Bộ" (Lê Bá Thảo, 2002: 432).

Viết về núi Tam Phong, các sử gia triều Nguyễn cho rằng: "Ở phía Tây Bắc huyện Quảng Phúc là chỗ giáp giới giữa hai tỉnh Khánh Hòa và Bình Định. Núi có 3 ngọn cao chọc trời, tục gọi núi Ba Non, là trấn sơn của tỉnh. Khi trong nước gặp ân điển lớn, có lệ tứ tế" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997: 95). Với Bàn Sơn, một không gian biển đảo, "điểm tựa" của những người đi biển đã được ghi rõ: "Tục gọi Mũi Lớn ở cách huyện 60 dặm về phía Bắc, phía Bắc liền núi Thạch Bi, phía Tây liền Đại Lãnh, phía Đông Nam sát biển, thuyền buôn tránh gió thường trú ẩn ở đấy" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997: 95). Về Diễn Sơn, *Đại Nam nhất thống chí* viết: "Ở cách huyện chừng 5 dặm về phía Nam; trước kia nhiều cọp beo, người buôn bán không dám đi qua. Năm Đinh Tỵ (1797) đầu đời trung hưng, viên án trấn Nguyễn Văn Thanh mật đảo bà chúa Ngọc rằng, nếu trừ được nạn hổ hoạn thì lập đền thờ. Sau đó vài ngày quả bắt được con cọp dữ, bèn lập đền thờ, gọi là đền Diễn Sơn" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997: 100).

Các sử gia cũng từng có những nhận xét sâu, tinh tế về núi Hoa Sơn nơi có hiện tượng "gió Tô Hà", núi Phú Như lan truyền với "cọp Ổ Gà", núi Đại Đồng gắn với những lời truyền về một vùng "rừng thiêng, nước độc",… Khảo cứu sách *Thiên nam dư hạ tập*[2] thời Lê Thánh Tông (1442-1497), Lê Quý Đôn cho biết: "hai nguồn Trà Dinh, Ô Kim huyện Bồng Sơn, thôn Nha Ca nguồn Cầu Bông huyện Phù Ly và huyện Tuy Viễn hằng năm đều cống kỳ nam hương" (Lê Quý Đôn, 1977: 331). Về tài nguyên của các nguồn, tác giả viết: "Nguồn An Đại ở huyện Khang Lộc sản xuất trầm hương, tốc hương, hoàng đàn, sinh hương, mật ong, sáp vàng, hoàng đằng, lông chim trĩ, diêm tiêu... Nguồn Cảo Cảo ở đầu nguồn huyện Võ Xương, tức các trang sách của Sa Bôi, sản xuất ngà voi, màn hoa, trầm hương, tốc hương, bạch truật, mộc hương, vỏ gai, bông vải, bông gòn" (Lê Quý Đôn, 1977: 97). Theo Lê Quý Đôn: "Họ Nguyễn trước đặt đội Am Sơn, hằng năm cứ tháng 2 thì đi tìm kiếm, tháng 6 thì trở về, số lượng được nhiều ít không nhất định, lấy sắc sáp trắng là tốt nhất, sắc xanh đầu vịt là thứ hai, sắc sáp xanh là kém nữa, sắc sáp vàng lại kém nữa, sắc như vằn hổ thì kém nhất; lấy chất mềm như phần đông có thể cắt thành miếng là hạng tốt nhất, bền rắn là hạng xấu" (Lê Quý Đôn, 1977: 331).

Từ nhiều thế kỷ trước đây, Nha Trang - Khánh Hòa đã nổi danh là "Vùng đất trầm", "Xứ sở của trầm hương",… việc kiếm tìm trầm hương, kỳ nam được tổ chức vào mùa khô và các chuyến đi tìm trầm luôn phải kết thúc trước khi mùa mưa tới. Ở Khánh Hoà, các huyện đều có trầm hương, ý dĩ, mã tiền tử, sa nhân, hồng hoa… Thời Nguyễn, cư dân xã An Thành huyện Tân Định hằng năm được cử đi kiếm kỳ

[1] Đến Cam Ranh năm 1906, viên thuế vụ người Pháp Claude Bourrin từng viết: "Khi rời Cam Ranh đi Ba Ngòi, trong ánh sáng chói chang đầu tiên của buổi sáng, chúng tôi qua một vùng có hằng hà sa số loại chim với nhiều màu sắc khác nhau. Ông Spas và tôi không ngừng kêu lên những tiếng thán phục trước những màu sắc rực rỡ và bất ngờ của chúng mỗi khi chúng bay lên" (Claude Buorrin, 2009; 192).

[2] Năm 1483, Lê Thánh Tông sai Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận... viết *Thiên nam dư hạ tập*, khảo cứu các chế độ, luật lệ, văn thư, điển lễ, cáo sắc gồm 100 quyển. Bộ sách được coi là "Sách điển chương của một triều đại, làm khuôn phép đời đời" (Phan Huy Chú, 2007: 382).

nam để nạp, năm nào không có kỳ nam thì phải nộp thay bằng trầm hương (Quách Tấn, 2002: 338-349; Nguyễn Gia Nùng, 2002: 48-49).

Ở Nha Trang - Khánh Hòa, đối diện với núi là biển. Đó là một thế giới lưỡng cực, luôn là những giá trị bổ sung, tương hỗ cho nhau trong mọi thời đại và với mọi chiến lược phát triển. Về vị trí và vai trò của các thương cảng miền Trung, các bộ sử Trung Quốc như *Tân Đường thư*, *Địa lý chí*,... cho biết, từ khoảng thế kỷ VII - X, trên con đường biển từ Quảng Châu (Trung Quốc) đến Bagdad (Arập) thuyền bè quốc tế Trung Hoa, Ba Tư, Arập, Srivijaya (Java) bao giờ cũng ghé qua Chiêm Bất Lao (Cù Lao Chàm) - Cửa Đại - Cửa Hàn), Lăng Sơn, Môn Dộc (Quy Nhơn), Cổ Đát quốc Kauthara (Nha Trang, Khánh Hòa), Bô-đà-lăng-châu (Panduranga - Phan Rang, Phan Thiết) để buôn bán (Trần Quốc Vượng, 1998: 14).

Khác với mô hình phổ quát của Đông Nam Á nơi các "*Quốc gia nông nghiệp*" giữ vai trò chi phối, ở Chămpa chính những hoạt động hải thương đã dẫn đến sự chuyển hóa để hình thành nên "*Những quốc gia cảng thị*" hay "*Quốc gia thương nghiệp*" (Momoki Shiro, 1999: 43-48; Phạm Văn Thủy, 2007; 129). Các vương quốc này đã làm chủ mặt biển, hiểu rõ những nguồn lợi có thể khai thác từ đại dương, các tuyến giao thương và họ đã điều phối, kiểm soát cả một vùng rộng lớn ở Biển Đông mà trên bản đồ quốc tế thường ghi là "Biển Champa". Trong các hoạt động kinh tế, người Chăm tiến hành buôn bán đồng thời nhiều loại hàng hóa (Đỗ Trường Giang, 2011: 285-314). Các sản phẩm thương mại đó không chỉ cần cho nhu cầu tiêu dùng trong vương quốc mà còn giữ vai trò thiết yếu trong việc thiết lập, củng cố mối bang giao với các quốc gia khu vực như: Trung Quốc, Đại Việt, Chân Lạp (Angkor), Srivijaya (Nguyễn Văn Kim, 2019: 139-165)...

Đến thế kỷ XIX, *Đại Nam nhất thống chí* từng viết về hòn Thúy Sơn, hòn Lam Nguyên và hòn Vân Phong (hòn Khói). Với hòn Lam Nguyên "Ở cách huyện hơn 20 dặm về phía Đông Nam, ở giữa biển, có dân cư, có nhiều hòn tiếp nhau, hòn Tầm, hòn Lớn, hòn Môn, hòn Bà La". Trên vùng quần đảo, "có dân cư, phố xá liên tiếp nhau. Gần đó là thôn Trường Tây, tục gọi là phố Đột, lưng tựa vào núi" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997: 110). Với hòn Vân Phong: "Ở cách huyện Quảng Phúc 28 dặm về phía Đông Bắc, tục gọi Hòn Khói, đầu đời trung hưng, thuyền nhà vua đến đóng ở Hòn Khói, tức là chỗ này. Năm Minh Mệnh thứ 6 đổi tên như hiện nay" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997: 101).

Về vịnh Cam Ranh, năm 1901 tác giả người Pháp Claude Bourrin từng nhận xét: "Cam Ranh! Chính tại đây, hạm đội Nga của đô đốc Rodjestvenski đã buông neo ngày 14-4-1905 mà không xảy ra một trục trặc nào. Năm mươi hai chiếc tàu, cả tàu chiến lẫn tàu tiếp nhiên liệu, muốn bỏ neo ở bất cứ nơi đâu họ muốn trong căn cứ hải quân mênh mông này suốt một thời gian khá dài do sự làm ngơ của chính quyền Pháp,… (Cam Ranh) có hai lối vào và là một trong những cảng tự nhiên đẹp nhất thế giới. Đô đốc Rodjestvenski và các sĩ quan của ông không tiếc tiền để được chiêm ngưỡng một chỗ trú lộng lẫy như Cam Ranh. Họ nói rằng, Cam Ranh có thể xây dựng thành một Hồng Kông của người Pháp" (Claude Buorrin, 2009: 188). Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, cùng với vịnh San Fransisco (Bắc Mỹ), vịnh Rio de Janeiro (Nam Mỹ), vịnh Cam Ranh của Việt Nam là một trong ba vịnh biển lớn và tốt nhất, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí cho việc xây dựng một thương cảng tầm cỡ thế giới và là cảng quân sự hoàn hảo.

Nha Trang - Khánh Hòa là vùng biển đảo nổi tiếng, với dải bờ biển trên 300 km, có các vịnh, cảng đảo: Nha Trang, Cam Ranh, Vân

Phong,… và cả không gian biển Trường Sa rộng lớn. Đây chính là tiềm năng, động lực phát triển của Nha Trang - Khánh Hòa xưa, Nha Trang - Khánh Hòa - nay và chắc chắn là không gian chủ đạo của các chiến lược phát triển xanh, bền vững trong tương lai.

Cùng với núi rừng, biển đảo, chính sử triều Nguyễn cũng viết về 9 dòng sông của Khánh Hòa gồm: Tô Hà, Bình Sơn, Yên Lương, Ngọc Sơn, Vĩnh Phú, Phú Nghĩa, Phú Lộc, Ba Ngòi (Tam Độc), sông Cạn, sông Trường Châu năm thác, sông Xuân An sáu thác. Ngày nay, người ta thường nói nhiều đến sông Cái, sông Dinh cùng hàng chục sông suối, cung cấp nguồn nước, tạo mạch nguồn giao thông, bảo đảm nguồn sống cho cư dân. Hệ thống thủy văn ấy đã góp phần thành tạo nên đồng bằng Nha Trang, Diên Khánh và Ninh Hòa. Tuy có diện tích không thật lớn nhưng tự ngàn xưa các cộng đồng cư dân đã khai thác, phát triển kinh tế nông nghiệp. Cùng với việc cung cấp nước, nuôi dưỡng hệ thủy sinh, các dòng sông cũng là mạch nối liên kết giữa núi rừng và sông biển.

Khánh Hòa có vũng Nha Trang, vũng Vân Phong, vũng Nha Phu, vũng Cam Linh và đầm Găng, đầm Thủy Triều, đầm Đồi Mồi, đầm Ô Rô, đầm Thăng Ma, đầm Bà Na, đầm Độc Đảo… Để quản lý biển, canh phòng các cửa biển, triều đình Huế đã cho đặt: Tấn Nha Phu, tấn cửa lớn Cù Huân, tấn cửa bé Cù Huân, tấn Cam Linh, tấn Vân Phong lớn, tấn Vân Phong nhỏ. Vào thế kỷ XIX, Khánh Hòa có 7 chợ chính là: Yên Lương, Yên Thành, Yên Phú, Vĩnh Yên, Mỹ Thịnh, Đại Yên; và các quán: Phúc Yên, Chử Châu, Lộc Dã, Phúc Hải, Vạn Dã, Hà Thanh, Hoa Diêm, Cót, Yên Lộc. Là tỉnh có nhiều sông nên Khánh Hòa có tới 25 cầu lớn[3].

Trong lịch sử, giao thông Nha Trang - Khánh Hòa có phần thuận theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và rất thuận về đường biển, nhưng lại gặp nhiều khó khăn theo hướng Bắc - Nam bởi sự chia cắt của các đèo. Về điều kiện giao thông và tính chất "biệt lập" của Khánh Hòa và các tỉnh miền Trung, đến đầu thế kỷ XX vẫn còn là nhân tố trở ngại. Claude Bourrin từng ghi nhận: "Các nhân viên nhà nước sau khi tới Nha Trang, Quy Nhơn hoặc Đà Nẵng bằng tàu biển, phải dùng cáng hoặc thuyền tam bản để tới nhiệm sở. Một khi đã yên vị họ phải đi bằng ngựa hoặc các phương tiện tùy nghi nhưng chỉ trong phạm vi quản hạt của mình chứ không ai liều đi ra ngoài phạm vi đó. Những khách mượn đường cái quan từng đoạn như chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu thập những thông tin chính xác về đoạn đường sau. Như vậy, xét về mặt địa lý, mỗi tỉnh Trung Kỳ có cái gì đó như kiểu lãnh địa mà nếu bước ra ngoài sẽ gặp những điều bí hiểm không sao biết được" (Claude Bourrin, 2009: 185).

Là vùng đất được thiên nhiên ưu đãi, Nha Trang - Khánh Hòa có trữ lượng sản vật tự nhiên phong phú. Theo các sử gia triều Nguyễn: Trừu Nam sản ở huyện Phước Điền; nhiễu sản ở huyện Phước Điền và Tân Định; lĩnh thâm huyện Phước Điền; lụa, vải huyện nào cũng có. Đồ gốm sản xuất ở huyện Vĩnh Xương; sáp ong, mật ong, dầu rái, dầu trám, kỳ nam, tô hạp hương ở sách Kha Tuân; trầm hương, ý dĩ, mã tiền tử, sa nhân, hồng hoa các vùng núi cao đều có; gỗ nam (gỗ sao) ở các huyện Quảng Phú, Tân Định, dùng cho việc đóng thuyền; gỗ mun ở huyện Phước Điền, sắc đen có thể giải độc, thường dùng để làm đũa; mây hoa ở Quảng Phúc; lá buôn (bối diệp) có thể dệt đệm buồm, sống lá bền rắn có thể dùng làm cánh cung; chiếu, ống xuy đồng ở huyện Tân Định; con công, lông trĩ, nhung hươu, sừng

[3] Đó là các cầu: Phúc Thành, Minh Yên, Trường Lộc, Hoa Phong, Phú Mĩ, Yên Thịnh, cầu Nghê, Phú Lộc, Đại An, Ba Ngòi, Phú Nghĩa, Vũ Cương, Vĩnh Yên, Triều Hải, Trung An, Trường Lương, Thiều Giang, Xuân Mĩ, Tiên Đạo, Chính Đô, Giáng Hương, Thuận An, Mĩ Hoa, Bến Buôn và cầu đá Đường Quan (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997: 114-116).

tê, ngà voi, cọp, gấu, nai sơn phận các huyện đều có; muối sản ở hai huyện Quảng Phúc và Tân Định; Yến Sào sản ở huyện Cù Huân (có đánh thuế); đá san hô sản ở thôn Lễ Cam, huyện Quảng Phúc; san hô đen tức đá hoa, thường dùng làm cán đao, kiếm; đồi mồi dọc bờ biển đều có, duy đầm Đồi Mồi thì có nhiều nhất. Năm Minh Mệnh thứ 18, khắc hình tượng vào Nhân đỉnh; trai xà cừ ở bãi biển huyện Quảng Phúc; cá, vích, ốc,… sông đầm các huyện đều có nhiều (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997: 121-123).

Ở các cửa biển, đèo ải, cửa sông các chúa Nguyễn và sau đó là triều Nguyễn, đều cho lập sở tuần ty để đánh thuế hàng hóa. Theo *Phủ biên tạp lục*, vào thập niên 70 của thế kỷ XVIII, phủ Bình Khương có tuần cửa Nhã, tiền thuế hơn 107 quan; tuần Bình Khương, tiền thuế hơn 155 quan; tuần đèo Thạch Vọng, tiền thuế hơn 156 quan; tuần đèo Nha Trang, tiền thuế 163 quan; tuần Hòn Khói, tiền thuế 91 quan; phủ Diên Khánh có tuần Cam Ranh, tiền thuế hơn 105 quan; tuần Cù Huân và đò Cồn Lỡ, tiền thuế 206 quan. Tổng cộng tiền thuế hàng hóa của 2 phủ là hơn 983 quan. Nếu so sánh với phủ Phú Yên, tiền thuế 629 quan và phủ Quy Nhơn, tiền thuế 820 quan thì việc buôn bán của dinh Bình Khương (Khánh Hòa), phồn thịnh hơn nhiều (Huỳnh Lứa, 2002: 12-13).

1.6. Cùng với trầm hương (kỳ nam) sản vật nổi tiếng của núi rừng, trong hang và trên các vách đá ở nhiều đảo của Nha Trang - Khánh Hòa, là nơi sinh tụ "truyền thống" của loài chim yến. Đó là loài chim biển, sản sinh ra nguồn tài nguyên quý, có giá trị thương hiệu cao. Khánh Hòa có trầm hương mà đặc sắc nhất là kỳ nam và yến sào. Khí hậu nhiệt đới với ba đặc trưng của Hệ sinh thái phổ/phồn tạp: 1) Chỉ số đa dạng về giống loài cao; 2) Khả năng tái sinh nhanh; và 3) Số lượng trên mỗi giống loài thường thấp, là sự thể hiện diện mạo cơ bản của một vùng đất. Những yếu tố tự nhiên, xã hội và nhân văn ấy đã để lại dấu ấn, tạo nên đặc trưng riêng có của đất và người nơi đây.

Từ đầu thế kỷ XVII, viết về trầm hương và yến sào, hai sản vật nổi tiếng của Đàng Trong, nhà thám hiểm - truyền giáo phương Tây là Alexandre de Rhodes từng cho rằng: "Ở khắp thế giới, chỉ có Đàng Trong là có thứ cây danh tiếng gọi là trầm hương, gỗ rất thơm, dùng làm vị thuốc. Có tất cả ba loại: loại quý nhất gọi là "Calamba" hương thơm tuyệt diệu, dùng để bổ tim và chống hết các thứ nọc độc. Ở xứ này giá trầm như giá vàng. Hai loại khác là "*aquila*" và "*calambouc*" thông thường, không tốt bằng loại thứ nhất, nhưng cũng rất có hiệu lực tốt". Với tổ yến, tác giả viết: "Cũng chỉ ở Đàng Trong mới có thứ tổ yến, người ta cho vào cháo và thịt. Có một hương vị đặc biệt, thường là món ăn cao sang của các ông hoàng và bà chúa. Nó trắng như tuyết. Người ta tìm thấy trong mấy núi đá ven biển, đối diện với đất liền có trầm hương, ngoài ra không đâu có. Tôi nghĩ chim yến đã hút nhựa cây trầm và từ đó nó trộn với bọt biển, vì thế tổ yến vừa trắng có vị ngon. Người ta không ăn riêng mà nấu chung với cá hoặc thịt" (Alexandre de Rhodes, 1994: tr. 50).

Nhiều nhà nghiên cứu trong nước, quốc tế đã viết về trầm hương, không gian phân bố chủ yếu của các loại cây dó tạo trầm. Cư dân Nha Trang - Khánh Hòa có hệ tri thức phong phú về cách thức nuôi dưỡng, ươm tạo, khai thác, phân biệt loại hình, chất lượng, cách chế biến trầm, tổ yến; cách thức phát huy tính năng, tác dụng của trầm và tổ yến trong y dược và trong đời sống. Trên thực tế, ở Nha Trang - Khánh Hòa đã hình thành những Không gian văn hóa trầm hương và Không gian văn hóa yến sào. Trên phương diện bang giao, thương mại biển, cùng với "Con đường tơ lụa", "Con đường gốm sứ", "Con đường hương liệu", đã thực sự có "Con đường trầm hương" từ miền Trung đặc biệt là từ Nha Trang - Khánh Hòa, Việt Nam lan tỏa ra thế giới. Đó là nét văn hóa và có lẽ còn cao hơn thế là bản sắc địa - kinh tế, địa - văn hóa độc

đáo, tạo nên danh tiếng, vị thế của Nha Trang - Khánh Hòa với thế giới từ nhiều thế kỷ trước đây (Nguyễn Văn Kim, 2022: 397-416). Nha Trang - Khánh Hòa có thể nghiên cứu, phát triển hai di sản độc đáo này thành Di sản văn hóa phi vật thể đặc trưng của Việt Nam, châu Á.

2.2. Những sắc thái, đặc trưng văn hóa tộc người

Nha Trang - Khánh Hòa diện tích không rộng, dân số không thật đông, nhưng lại có yếu tố tự nhiên, địa - nhân văn đa dạng. Trong không gian tự nhiên đó, các lớp cư dân cổ đã khai thác tiềm năng, nguồn lực của tự nhiên để kiến dựng văn hóa. Trên vùng đất ấy, đã từng là không gian phát triển của Văn hóa tiền Sa Huỳnh - Sa Huỳnh, hình thành vào cuối thời đại đá mới, sang thời kỳ đồ đồng, sơ kỳ đồ sắt. Dấu ấn Văn hóa tiền Sa Huỳnh và Sa Huỳnh đã diễn ra sâu đậm trên vùng đất - biển đảo này.

Từ kết quả nghiên cứu, các chuyên gia khảo cổ học đã phân lập thành công hệ tiêu chí để định danh nền Văn hóa xóm cồn. Phạm vi phân bố của nền văn hóa này trải rộng từ Cam Ranh - Bích Đầm - Hòn Tre của Khánh Hòa đến Gò Ốc của Phú Yên. Đó là nền văn hóa thuộc sơ kỳ thời đại kim khí, có niên đại 3.500-3.000 năm cách ngày nay với nhiều địa điểm cư trú và mộ táng. Chủ nhân của nền văn hóa Xóm Cồn đã khai thác tiềm năng của đồng thời ba hệ sinh thái: Nước ngọt, nước lợ và nước mặn. Cùng với các công cụ đá (rìu, bôn, công cụ chặt, bàn mài, hòn kê, hòn ghè và mũi khoan, các nhà nghiên cứu còn tìm được nhiều đồ gốm, xương thú và các loài nhuyễn thể ken dày. Trong số các động vật tìm được có trai biển, ốc biển, các động vật có xương sống như cá, rùa, hươu, nai, hoẵng, lợn, trâu bò rừng, tê giác và cả bò nhà (*bosdom*).

Trên đảo Hòn Tre, các nhà nghiên cứu cùng tìm được nhiều công cụ đá, các mũi nhọn làm bằng xương thú và gạc nai, các lõi vòng trang sức từ ốc tai tượng coi. Đồ gốm chủ yếu đồ đựng đáy tròn, thân hình dẹt, vai khum ốc tròn. Các đồ gốm, cùng với văn chải còn có văn thừng biến thể, một số đồ gốm được tô, vẽ màu trước khi nung. Có thể cho rằng: "Văn hóa Xóm Cồn là một văn hóa tiêu biểu, là chiếc cầu nối các văn hóa đương thời ở lưu vực sông Đồng Nai với khu vực miền Trung và Tây Nguyên, là một trong những nguồn hợp tạo dựng văn minh Sa Huỳnh ở Nam Trung Bộ và đây là một văn hóa khảo cổ riêng biệt không thể lẫn với bất cứ một văn hóa tiền sử nào đã biết đến ở Việt Nam" (Nguyễn Công Bằng, 2002: 19).

Tiếp nối thời kỳ "tiền Sa Huỳnh", chủ nhân của Văn hóa Sa Huỳnh đã dựa vào biển, khai thác biển, đồng thời mở rộng không gian sinh tồn vào sâu trong "lục địa", phát triển văn hóa vùng châu thổ và vươn lên cả miền núi cao. Đến cuối thời đại đá mới bước sang thời đại kim khí, cùng với khu vực phía Bắc, suốt dải duyên hải miền Trung và Nam Bộ Việt Nam cũng đồng thời xuất hiện nhiều trung tâm, di tích văn hóa thể hiện đặc trưng của nền văn hóa biển. Chủ nhân các nền văn hóa đó đã có mối liên hệ rộng lớn với vùng Đông Bắc Á, thế giới Đông Nam Á, Ấn Độ và Tây Á... Bằng các phương tiện đi biển giản đơn, từ phương Bắc xuống, từ phía Nam lên, từ miền Tây xuống, từ phía đông về, vùng biển đảo Việt Nam trở thành nơi tiếp giao, trao đổi sản vật giữa các chủ nhân văn hóa khu vực. Cùng đồng thời với Văn hóa Đông Sơn, ở miền Trung Việt Nam cũng có một nền văn hóa thuộc thời đại kim khí - Văn hóa Sa Huỳnh nổi tiếng.

Văn hóa Sa Huỳnh với các loại hình mộ chum, đồ trang sức, đồ gốm... thể hiện sâu đậm những nét chung riêng của mỗi tiểu vùng văn hóa. Người Sa Huỳnh đã dấn thân với biển, hòa mình với sóng nước đại dương. Họ đã xác lập nên những dòng mạch liên kết, giao thương giữa *Biển đảo* với *Lục địa* và hơn thế là giữa các không gian văn hóa định thành nên một truyền thống văn hóa Việt Nam đa dạng, thống nhất. Các tác giả công trình *Khảo cổ học Việt*

Nam cho rằng: "Cư dân Sa Huỳnh đã làm ra sản phẩm, hàng hóa để thực hiện công việc buôn bán, trao đổi. Hàng hóa, sản phẩm của người Sa Huỳnh là đồ sắt, đồ thủy tinh, đồ gốm với kỹ thuật và mỹ thuật cao. Bằng đường bộ, người Sa Hùynh đã đến Thái Lan, đến với những người Việt cổ ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Bằng đường biển, họ đã tới Philippines, Indonesia, Malaysia, Hương Cảng và có thể còn đi xa hơn... người Sa Huỳnh đã mang về quê hương họ những sản phẩm của các văn hóa láng giềng mà họ thích và những đặc sản từ các nơi xa. Đồ đồng Đông Sơn, đặc biệt là trống đã có mặt ngay trong địa bàn Sa Huỳnh" (Hà Văn Tấn, 1999: 344-345).

Khánh Hòa nổi tiếng với di chỉ Hòa Diêm. Kết quả của các mùa khai quật năm 1998, 2002 cho thấy, chủ nhân Văn hóa Hòa Diêm đã kế thừa nhiều di sản của Văn hóa Xóm Cồn để xác lập một không gian văn hóa có niên đại 2.000-2.500 năm BP. Hơn thế, bằng những cứ liệu xác thực, các chuyên gia khảo cổ học còn thấy sự giao lưu văn hóa diễn ra nhiều nghìn năm TCN giữa Hòn Tre - Bích Đầm - Cam Ranh của Khánh Hòa với chủ nhân các nền văn hóa biển ở ngoài khơi Thái Bình Dương và vùng biển đảo Đông Bắc Á như Đài Loan và đến tận Ryukyu (Okinawa) của Nhật Bản. Ở Okinawa, các chuyên gia đã tìm thấy rìu làm bằng ốc biển *tridacnaop* tương tự như rìu làm bằng ốc biển ở Bích Đầm - Xóm Cồn (Trần Quốc Vượng, 1998: 451).

Vượt lên những ý niệm thông thường về khoảng cách không gian, những thách thức và mối nguy ẩn tàng của đại dương rộng lớn, từ nhiều nghìn năm trước đây, biển đã là môi trường sống, không gian sinh tồn truyền thống, đồng thời là dòng mạch chuyển nối giữa các vùng kinh tế, hệ sinh thái và giữa các nền văn hóa, quốc gia châu Á. Với một cái nhìn tổng quan chúng ta cũng thấy, sông và núi cắt ngang, chia nhỏ các không gian địa - kinh tế miền Trung, nhưng chính các con đường biển đã kết nối lại những vùng biển đảo tưởng như biệt lập ấy. Trên dải đất miền Trung, từ bao đời, sắc thái văn hóa biển với đậm đà các sản vật từ biển, không chỉ gắn kết cuộc sống, nếp sống, tâm thức của các lớp cư dân từ thời tiền Sa Huỳnh đến Sa Huỳnh rồi Chămpa,… mà còn truyền tải nhiều giá trị văn hóa lên vùng trung du và núi cao. Người miền Thượng không chỉ đã thâu nhận những ảnh hưởng văn hóa đó như một nhu cầu sống tự nhiên mà còn duy tồn, biểu đạt ở chính trong không gian Cao Nguyên những giao cảm kinh tế, văn hóa và ý niệm về nguồn cội (Nguyễn Văn Kim, 2021: 257-276; Nguyễn Hữu Thông, 2017: 11-29).

Dựa trên các nghiên cứu khảo cổ học, lịch sử, dân tộc học - nhân học, văn hóa học… có thể cho rằng, tiếp nối truyền thống văn hóa và tri thức biển của cư dân Sa Huỳnh, khoảng từ thế kỷ II, cư dân Chămpa không chỉ đã kế thừa mà còn thúc đẩy hoạt động kinh tế biển, phát triển thương mại và bang giao trên biển. Làm chủ một không gian kinh tế giàu tiềm năng, người Chăm không chỉ đã xuất đi các sản vật từ núi rừng, châu thổ, từ các làng nghề thủ công mà điều quan trọng là, họ còn biết khai thác, *phát huy tổng hợp các nguồn lực* để phát triển kinh tế. Nói cách khác, người Chăm đã "xây dựng được một cơ cấu kinh tế tổng hợp". Theo Nhà sử học Trần Quốc Vượng: "Cơ cấu kinh tế tổng hợp Chămpa bắt nguồn từ cơ cấu có sẵn - tuy có thể chưa phát triển hoàn chỉnh - của hệ thống văn hóa Sa Huỳnh trước đó. Thiên tài Sa Huỳnh, thiên tài Chămpa là ở sự sáng tạo nên nền kinh tế, văn hóa tổng hợp đó và điều ấy có tiền đề địa lý - văn hóa của vùng đất miền Trung, vùng núi non, sông nước, đồng bằng, biển cả" (Trần Quốc Vượng, 1996: 458).

Như vậy, cơ cấu kinh tế của người Chăm đã kế thừa gần như trọn vẹn những di sản mà người Sa Huỳnh đã tạo dựng nên. Từ cơ cấu truyền thống đó, người Chăm đã sáng tạo nên nền kinh tế, văn hóa tổng hợp trên dải đất miền Trung (Trần Quốc Vượng, 1996: 458). Cư dân

Champa đã sớm kết nối các hoạt động kinh tế bản địa với nhiều thị trường lớn ở Đông Bắc Á, Tây Nam Á. Ở đó, trên các dải biển miền Trung đã hình thành khu vực định cư của các tộc người thuộc ngữ hệ Mã Lai - Đa Đảo (*Malayo-Polynesian*). Họ đánh cá, khai thác thủy hải sản trên sông, biển; trồng khoai củ ở các cồn cát, ven các cồn bàu trên cùng tuyến văn hóa từ Bàu Tró (Quảng Bình) đến Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), để lại rìu mài, gốm thô ở các cồn bàu Trà Lộc, Cổ Trai, Phước Mỹ, Do Mỹ... Các di sản và di tích văn hóa đó chính là do những cư dân tiền Chăm (*Protomalais*, *Proto* Chăm) tạo nên (Trần Quốc Vượng, 1996: 434).

Những thập niên gần đây, các nhà khoa học ngày càng phát hiện được thêm nhiều bằng chứng xác thực về mối liên hệ mật thiết, mang tính kế thừa giữa Văn hóa Sa Huỳnh với Văn hóa Champa. Nói cách khác, "Văn hóa Sa Huỳnh như một dòng chảy văn hóa trong thời đại kim khí ở miền Trung và Nam Trung Bộ Việt Nam trước khi tiến vào văn minh Champa" (Hà Văn Tấn, 1999: 292). Nhiều khả năng, cư dân Văn hóa Sa huỳnh là những người nói tiếng Nam Đảo hay *Malyo - Polynesian* (Hà Văn Tấn, 1997: 733). Và chính họ, với những đặc trưng văn hóa độc đáo, đã có nhiều mối quan hệ với chủ nhân Văn hóa Đông Sơn và cả các thời đại văn hóa sau đó. Dấu ấn để lại là, trong một số không gian văn hóa Việt ở vùng duyên hải phía Bắc cũng có sự hiện diện của các nhóm cư dân *Malayo - Polynesien* (Nguyễn Duy Thiệu, 2003: 3-10). Như vậy, sự xuất hiện của nhóm người như *Pu-lao* hay *Bù-lao* (Bồ Lô - tức *Cù Lao*) có nguồn gốc Mã Lai và sau đó, từ khoảng thế kỷ X, với sự giao hòa, xâm nhập của người Chăm cùng truyền thống văn hoá biển của cư dân Champa, đã đem đến cho cư dân các vùng biển đảo bắc miền Trung những nhân tố văn hóa phương Nam cùng các thành tựu kỹ thuật, tư duy và cả những động lực phát triển mới.

Kết quả nghiên cứu về nhân chủng cho thấy, đến thời Champa hẳn người Mã Lai - Đa Đảo (*Malayo - Polinésien*) vẫn đóng vai trò chủ đạo trong việc sáng tạo nên thời đại văn hóa này. Họ cũng là cộng đồng chính trong các cộng đồng dân tộc sinh sống ở các tiểu quốc Champa. Người Chăm đã tiếp nối, kế thừa truyền thống của cư dân Sa Huỳnh. Nhưng, sự tiếp nối đó không phải là toàn bộ và toàn diện, tức không phải tất cả những di sản, giá trị của Văn hóa Sa Huỳnh đều tiến triển lên thời đại Champa. Trên một không gian rộng lớn, với chiều sâu lịch sử, chịu nhiều tác động tự nhiên và các mối quan hệ khu vực, người Chăm cũng là một cộng đồng đa sắc tộc. Kết quả là, dấu ấn văn hóa tộc người trên đất Nha Trang - Khánh Hòa đã được tô đậm bởi sự đa sắc. Nhưng từ giữa thế kỷ XVII (1653) trở đi, cộng đồng dân tộc Việt ngày càng đóng vai trò chủ đảo và là chủ thể quan trọng nhất trong việc kế thừa, dung hợp, phát triển sáng tạo văn hóa ở vùng đất cổ, giàu truyền thống của miền Trung.

Nhìn từ bản thể tự nhiên, phần đông cư dân cổ Sa Huỳnh, cư dân Champa là những cộng đồng "hải nhân" sinh ra từ biển. Sinh thành từ môi trường biển và chính họ đã sớm dấn thân với biển, khai thác biển, phát triển kinh tế biển và tạo nên truyền thống văn hóa biển. Họ "thường xuyên có mặt ngoài khơi, ngoài đảo xa thường xuyên giao lưu kinh tế, văn hóa với thế giới hải đảo Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương. Họ đa nhập nội để trồng khoai, mía, bông,… và xây dựng được các vùng đặc sản mà ngày sau người Việt kế thừa" (Trần Quốc Vượng, 1996: 462). Điều đáng chú ý là, chính tại thành phố biển Nha Trang, năm 1983 và 2000, cùng tại phường Phước Hải, đã phát hiện được trống đồng Nha Trang I và trống đồng Nha Trang II. Dựa trên kết quả nghiên cứu so sánh, hai chiếc trống đồng có nhiều đặc tính tương tự như trống đồng Đông Sơn tìm được ở miền Bắc và Bắc Trung Bộ. Hẳn là những chiếc trống này đã được chế tác ở miền Bắc sau đó theo các dòng hải lưu đã "lan tỏa" đến Nha Trang - Khánh Hòa. "Sự có mặt của trống Nha Trang I và Nha

Trang II đã làm cho diện mạo của thời đại kim khí ở Khánh Hòa càng thêm phong phú. Niên đại của hai chiếc trống này vào khoảng 2.000 năm cách ngày nay" (Nguyễn Công Bằng, 2002: 21).

Có thể cho rằng, *biển là yếu tố hạt nhân, gien trội của văn hóa Nha Trang - Khánh Hòa*. Đó là truyền thống văn hóa định thành trong một thế giới rộng lớn; là tư duy, hoạt động sinh kế, bảo đảm nguồn sống luôn gắn với môi trường sóng nước đại dương. Đến những thế kỷ đầu Công nguyên, tiếp bước chủ nhân Văn hóa Sa Huỳnh, trên suốt dải đất - biển đảo miền Trung, đồng bào Chăm đã kiên trì, không ngừng sáng tạo để xây dựng nên những giá trị, di sản văn hóa đặc sắc. Ở Nam Trung Bộ, chủ nhân nền văn hóa này, tiểu quốc Kauthara, từng đã có quan hệ với cư dân Văn hóa Óc Eo - Phù Nam ở châu thổ Cửu Long. Bia Võ Cạnh phát hiện được ở Nha Trang có niên đại thế kỷ II và một số nguồn tư liệu khác cho thấy mối quan hệ sớm, sâu đậm đó. Có thể khẳng định, không gian văn hóa Nha Trang - Khánh Hòa từng là nơi gặp gỡ, giao thoa giữa các nền văn hóa Đông Nam Á và xa hơn thế là giữa văn minh Đông Á với văn minh Tây Nam Á. Trong khuôn viên Tháp Bà có cả một hệ thống văn bia viết bằng chữ Phạn và chữ Chăm cổ (Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa, 2003: 110-116). Hình tượng của Thiên Y Ana cũng là sự giao hòa của Bà Mẹ Xứ Sở Pô Inư Nagara được "đồng hóa" với Nữ thần Uma/Bhagavati vợ của thần Shiva. Truyền thuyết về thái tử Bắc Hải đón được cây gỗ thơm (trầm hương) từ phương Nam, có thần rồi cưới nàng làm vợ,… đã gợi mở dòng suy tưởng về hiện tượng giao thoa văn hóa Bắc - Nam và tư duy văn hóa liên vùng.

Lấy Tháp Bà (mà các sử gia triều Nguyễn gọi là tháp Cổ Thiên) làm tiêu điểm nghiên cứu cũng thấy, trải qua nhiều biến động, cơ tầng văn hóa - tôn giáo - tín ngưỡng dân gian truyền thống đã có sự hợp lưu với văn hóa Đông Bắc Á - Nam Á. Sự hợp luyện văn hóa đó biểu đạt độ mật tập cao ở không gian văn hóa Tháp Bà. Trải qua nhiều thế kỷ, quần thể di tích vẫn là một sinh thể văn hóa sống động. Có nhiều căn nguyên luận giải cho hiện tượng đó bởi không gian tôn giáo, tín ngưỡng này luôn lưu giữ những giá trị linh thiêng, luôn hòa nhịp với diễn chuyển tâm lý và đời sống xã hội giữa các lớp cư dân cũ và mới, giữa nhân tố bản địa và bên ngoài. Không chỉ người Chăm mà cả người Việt, người Hoa,… đều nhận được sự thấu cảm, che chở của Bà. Hơn thế, đức Thiên Y Ana còn truyền dạy cho họ nguồn sống, chỉ cho nơi có trầm, cách thức khai thác yến; kỹ thuật canh tác, dệt vải và đặc biệt là che chở cho những người đi biển. Vì thế, khu đền tháp Po Inư Nagar là một quần thể di tích - trung tâm tín ngưỡng linh thiêng, quan trọng của cư dân Nha Trang - Khánh Hòa, của người Chăm, người Việt và nhiều cộng đồng cư dân khác. Tháp Bà được xây dựng trên một vùng đồi. Cách lựa chọn vị trí có độ cao chắc hẳn là cách để tăng thêm tính uy linh cho khu đền tháp. Theo tác giả Trần Quốc Vượng, cách thức này bắt đầu xuất hiện từ Tháp Bà và trở nên phổ biến ở vùng Nam Trung Bộ trong các thế kỷ sau. Cũng cần nói thêm là, nhiều đền tháp Chăm được xây dựng ở trên đỉnh đồi cao, giáp vùng cửa biển có ý nghĩa như "vật chuẩn" để xác định vị trí, phương hướng, định vị niềm tin cho những người đi biển. Các vị thần linh trong khu đền tháp trên núi cao, vùng cửa biển luôn dõi theo và phù trợ cho những chuyến hải trình. Mặt khác, tháp cũng là điểm đến, chốn hành hương của những "hải nhân" từ các vùng biển phương xa tới.

Nha Trang - Khánh Hòa (mà nhìn rộng ra là suốt dải miền Trung) là vùng giao thoa, chuyển giao của không gian Văn hóa Thăng Long - Đại Việt ở phía Bắc với Văn hóa Óc Eo - Phù Nam (Đông Nam Á) ở phương Nam. Đó là vùng hội nhân, hội thủy, hội thương giữa chủ nhân của các trung tâm văn hóa, con người ba miền đất nước. Đó cũng là một trong những trung tâm

sáng tạo, hợp luyện văn hóa. Nha Trang - Khánh Hòa là nơi kết ngưng của văn hóa Núi với văn hóa Châu thổ và văn hóa Biển. Trong lịch sử, từng có một Nha Trang chịu nhiều ảnh hưởng của Bà La Môn giáo, Hindu giáo nhưng cũng có một Nha Trang - Khánh Hòa thấm đượm tinh thần Phật giáo và sâu đậm tín ngưỡng bản địa. Từ thế kỷ XVI-XVII, Nha Trang - Khánh Hòa từng bước tiếp nhận văn hóa Nho giáo, rồi văn hóa phương Tây - Kito giáo và từ đầu thế kỷ XX là dòng văn hóa yêu nước - kháng chiến - Xã hội chủ nghĩa. Trong những thập niên gần đây, còn có các trào lưu văn hóa mới của thế giới đương đại tràn đến không gian văn hóa mở này. Người Nha Trang - Khánh Hòa kế thừa di sản phức thể văn hóa đa dạng, luôn thể hiện rõ bản lĩnh trong thâu nhập, tái sáng tạo, tiếp biến văn hóa. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, tục hát Chầu Văn gắn với "Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ" (đã được UNESCO ghi danh là *Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại*) đã có sự kế thừa, kết hợp với các điệu hát - múa của người Chăm để tạo nên Múa Bóng mà cái nôi bảo tồn là Xóm Bóng, Nha Trang. Di sản văn hóa đã hòa nhập với cảnh quan tự nhiên, đã sống và trường tồn cùng với các cộng đồng cư dân khu vực.

Trải qua biến thiên của lịch sử, các tộc người đã hội cư, cộng cư để tạo nên cho Nha Trang - Khánh Hòa nhiều dòng người, nhiều lớp văn hóa. Khánh Hóa có 31 dân tộc anh em trong đó có người Raglai, sống tập trung ở vùng núi cao. Đồng bào Raglai chiếm khoảng 50% người Raglai ở Việt Nam. Trong nhóm người Mã Lai - Đa Đảo, người Raglai còn duy trì được nhiều truyền thống văn hóa cổ, quý giá (Phan Xuân Biên - Phan An - Phan Văn Dốp - Võ Công Nguyên - Nguyễn Văn Huệ, 1998).

Với những tư liệu hiện nay, thật khó để có được số liệu chính xác về tình hình dân số ở Khánh Hòa trong nửa cuối thế kỷ XVII và hai thập kỷ đầu thế kỷ XVIII. Tuy nhiên, qua số liệu về số *thuộc* của các phủ xứ Quảng Nam do Nguyễn Đăng Đệ vâng lệnh chúa Nguyễn Phước Chú lập năm 1726, có thể hình dung về dân cư hai phủ Bình Khương và Diên Ninh. Theo đó, phủ Thăng Hoa có 15 thuộc, Điện Bàn: 4 thuộc, Quy Ninh: 13 thuộc, Phú Yên: 38 thuộc, Bình Khương: 20 thuộc, Diên Ninh: 14 thuộc, Bình Thuận: 20 thuộc. Như vậy, dinh Bình Khương và Diên Ninh (tức Khánh Hòa) có 34 thuộc mới. Tài liệu không cho biết số dân cư nhưng qua định lệ về chức vụ lúc bấy giờ: thuộc 500 người trở lên thì đặt 1 cai thuộc, 1 ký thuộc; 450 trở xuống thì đặt một ký thuộc; 100 người trở xuống thì đặt một tướng thần (Phan Khoang, 1969: 466). Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* (1809-1819), huyện Quảng Phước có 65 xã, thôn, phường. Huyện Tân Định có 1 tổng, 1 trang (hai huyện này thuộc phủ Bình Khương); huyện Phước Điền có 27 xã, thôn; huyện Vĩnh Xương có 17 xã, thôn; huyện Hoa Châu có 3 tổng, 1 trang (Phan Huy Chú, 1992: 169). Theo địa bạ Minh Mệnh, giai đoạn 1810-1830, trấn Bình Hòa (dinh Bình Khương) có 2 phủ, 5 huyện, 18 tổng và thuộc, 290 làng. Như vậy, trong thế kỷ XVIII-XIX, các đơn vị hành chính và dân số Khánh Hòa đã tăng trưởng khá nhanh và là một thực thể hữu cơ của xứ Đàng Trong (Huỳnh Lứa, 2002: 12).

Hơn hai thập niên trước đây, nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu đã khảo cứu công phu tư liệu địa bạ để phác dựng sự biến đổi hành chính và dân số của Khánh Hòa từ sau sự kiện năm 1471 nhất là từ 1653 về sau. Theo đó, từ năm 1910 các đơn vị hành chính (Phủ/huyện, tổng, làng) của Khánh Hòa gồm: Phủ Ninh Hòa, huyện Tân Định, phủ Diên Khánh, huyện Vĩnh Xương và số dân (đinh) được xác định rõ. Cụ thể, phủ Ninh Hòa có 6 tổng, 83 làng, 3.261 đinh; huyện Tân Định có 3 tổng, 73 làng, 2.795 đinh; phủ Diên Khánh có 5 tổng, 38 làng, 3.415 đinh; huyện Vĩnh Xương có 4 tổng, 46 làng, 1.942 đinh. Như vậy, vào năm 1910, Khánh Hòa có 18 tổng, 240 làng, 11.413 đinh. Đến năm 1970, Khánh Hòa có 6 quận: Cam Lâm, Diên Khánh,

Khánh Dương, Ninh Hòa, Vạn Ninh, Vĩnh Xương và thị xã Nha Trang, diện tích toàn tỉnh là 5.505 km^2, dân số toàn tỉnh là 372.533 người. Đến năm 2000, tỉnh có diện tích 5.197 km^2, dân số 1.049.200 người (Nguyễn Đình Đầu, 2002: 7-9). Các sử gia triều Nguyễn cho biết, ruộng đất của Khánh Hòa có 12.593 mẫu, ngạch thuế là 6.539 hộc thóc, 16.431 quan tiền, bạc 111 lạng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997: 95).

Về phong tục, tư chất của người Khánh Hòa, các sử gia triều Nguyễn nhận xét: "Phong tục thuần hậu,… Kẻ sĩ chất phác mà trầm tĩnh, nhân dân kiệm mà lành, quần áo dùng vải trắng, ít thích lòe loẹt. Đường thủy dùng thuyền nan, đường bộ dùng xe trâu. Dân ở ven biển làm nghề chài lưới, dân ở ven núi làm nghề cấy lúa, trồng dâu, chăn tằm dệt cửi; cũng có người làm thợ, đi buôn,… Các tết Nguyên Đán, Đoan Dương, Tam Nguyên… cũng giống như Bình Định. Lễ tiên tổ hoặc kỳ phúc, hay bày hát xướng; cũng có làm chay, nhưng phần nhiều đơn giản, không chuộng xa hoa. Các việc đám cưới, đám ma hay giúp đỡ lẫn nhau" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997: 93). Theo các tác giả *Đại Nam nhất thống chí,* đời vua Gia Long, Khánh Hòa có số đinh 5.000 người, sau đó đã tăng lên 8.563 người.

Nha Trang - Khánh Hòa được kiến dựng trên vùng đất thuộc vương quốc Kauthara cổ xưa. Đó chính là địa bàn cư trú của bộ tộc Cau, đồng thời cũng là quê hương của Bà Mẹ Xứ Sở (Pô Inư Nagara) của dân tộc Chăm. Từ Kauthara trở thành phủ Thái Khang năm 1653, rồi trở thành dinh Bình Khang năm 1744, tiếp đó là trấn Bình Hòa năm 1802 và tỉnh Khánh Hòa năm 1831. Đó là quá trình hội lưu của văn hóa Chăm với văn hóa Việt và dòng văn hóa Việt - Chăm đã giao hòa với văn hóa của các tộc người vùng Tây Nguyên cùng với một số quốc gia khu vực. Kết quả là, văn hóa Khánh Hòa có sự hội kết đa tầng giữa các tộc người và các dòng chuyển cư, không gian văn hóa. Văn hóa đình làng của người Việt (Hoàng Quý, 2014: 247-309) hội lưu cùng văn hóa tín ngưỡng đền tháp Hindu giáo, Ba La Môn giáo, Phật giáo của người Chăm, Đạo giáo, Nho giáo của người Hoa và tín ngưỡng bản địa, của *cư dân làm rừng* với *cư dân làm nông* và *cư dân làm ngư*; giữa *cư dân chuyên nông - lâm - ngư* với *cư dân chuyên sản xuất thủ công* và *cư dân thương nghiệp, buôn bán*. Sự hội lưu văn hóa thể hiện rõ trong tín ngưỡng thờ Mẫu Thiên Y Ana, trong các sinh hoạt văn hóa cổ truyền, trong tục thờ cá voi, trong tục hát Bả Trạo và trong nhiều phong tục, tập quán của cư dân Nha Trang - Khánh Hòa (Trần Kiêm Hoàng, 2014: 91-101).

Cũng cần nói thêm là, vùng duyên hải và trên các đảo Nha Trang - Khánh Hòa cũng từng là địa bàn cư trú của người Hẹ. Do quen ở "Mường Nước", họ được gọi là người Đàng Hạ. Đó là cách gọi để "đối ứng" với Đàng Thượng, tức những người sinh sống ở vùng núi cao. Môi trường sống của người Hạ là thế giới nước, thế giới của các con sóng, dòng hải lưu và thủy triều. Người Hạ từng cư trú suốt một dải từ Lý Sơn (Phú Yên) đến Phú Quý, Bích Đầm của Khánh Hòa và có lẽ không gian cư trú của họ còn rộng lớn hơn thế. Họ là hậu duệ điển hình của cư dân - ngư dân biển, của người Mã Lai - Đa Đảo. Hệ thống di tích, di vật của Nha Trang - Khánh Hòa cho thấy, cùng với những dấu ấn văn hóa địa phương, các văn hóa cổ ở Nha Trang - Khánh Hòa như Xóm Cồn, Hòa Diêm,… luôn hòa nhập với dòng chảy chung của văn hóa Việt Nam, Đông Nam Á. Những đặc tính của văn hóa Núi rừng đã hòa quyện với văn hóa châu thổ và văn hóa biển đảo để tạo nên nền tảng văn hóa sâu và rộng, đa dạng và độc đáo của văn hóa Nha Trang - Khánh Hòa.

Trong dòng chảy nhiều nghìn năm và trong lịch sử 370 năm (1653-2023), văn hóa Nha Trang - Khánh Hòa có 3 tầng văn hóa chủ yếu: Văn hóa Sa Huỳnh, Văn hóa Champa, Văn hóa Việt (từ nửa cuối thế kỷ XV, nhất là từ 1653 đến nay). Ở thời kỳ thứ ba, có thể phân định

thành các giai đoạn cụ thể: Thời kỳ chúa Nguyễn; thời vương triều Nguyễn; thời kỳ cận hiện đại; và con người - văn hóa Nha Trang - Khánh Hòa trong cuộc sống, xã hội đương đại. Các tầng văn hóa, con người đó đã kế thừa, đã tiến hành "Giao thoa sinh học", giao thoa văn hóa để tạo nên đặc tính chung/riêng của một vùng đất. Nói cách khác, quá trình giao lưu kinh tế, "Giao thoa sinh học" thường/và bao giờ cũng gắn liền với quá trình giao lưu kinh tế, văn hóa. Văn hóa bản địa đã hòa luyện với văn hóa truyền thống Đông Nam Á, văn minh Ấn Độ (Nam Á), Trung Hoa (Đông Bắc Á) và từ thế kỷ XVI-XVII là với văn hóa phương Tây. Khánh Hòa cùng các tỉnh Nam Trung Bộ có nhiều tộc người. Đa dạng về tộc người tất yếu dẫn đến sự đa dạng về sắc thái văn hóa. Đó là nét độc đáo, đặc sắc của văn hóa, xã hội Khánh Hòa. "Ở Nha Trang - Khánh Hòa, xứ sở của trầm hương có thể tập trung vào hai nguồn gốc: Mã Lai - Đa Đảo hay Nam Đảo gốc *Biển* và Nam Á gốc *Đồi Núi*" (Trần Quốc Vượng, 1998: 452). Từ truyền thống mẫu hệ của người Chăm, văn hóa Nha Trang - Khánh Hòa đã "sâu gốc bền rễ trước sự xâm nhập của ít nhất 3 ảnh hưởng phụ hệ Trung Hoa, Ấn Độ, Pháp" (Trần Quốc Vượng, 1998: 453).

Từ cách tiếp cận liên vùng chúng ta cũng thấy, đặt trong không gian văn hóa Nam Trung Bộ, sự hội lưu văn hóa trên đất Nha Trang - Khánh Hòa có nhiều nét tương đồng. Dường như, càng tiến về phương Nam, văn hóa Việt càng gần với thế giới Đông Nam Á, tức là sự trở về với những giá trị văn hóa nguồn cội. Các chính thể quân chủ không chỉ đã có thể mở rộng không gian sinh tồn, tạo dựng được thế phòng thủ có chiều sâu chiến lược, làm chủ được nhiều vùng tài nguyên trù phú, các thương cảng giàu tiềm năng, mở rộng không gian biển rộng lớn, tạo môi trường cho sự phát triển dân tộc mà còn tìm thấy ở vùng đất phương Nam và truyền thống văn hóa khu vực Đông Nam Á những kháng lực cần thiết để "đối thoại" với những áp lực chính trị và cả nền văn hóa Nho giáo phương Bắc.

Sự hội lưu của văn hóa Nha Trang - Khánh Hòa không chỉ tạo nên các giá trị lan tỏa của không gian văn hóa tộc người, sự kết nối giữa các truyền thống văn hóa mà còn đem lại những giá trị sáng tạo, mang tính đột phá cho việc tiếp nhận những giá trị mới của đời sống xã hội và văn hóa hiện đại.

2.3. Nha Trang - Khánh Hòa: Hội nhập và phát triển

Cùng với truyền thống văn hóa đa dạng, sắc thái tộc người phong phú nêu trên, trong lịch sử, truyền thống yêu nước, kháng chiến chống ngoại xâm cũng là niềm tự hào của chính quyền, nhân dân Nha Trang - Khánh Hòa (Trần Đức Cường, 2022: 26-33). Truyền thống văn hóa chính trị, quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do cho quê hương, đất nước đã trở thành giá trị linh thiêng của con người một vùng đất. Tất cả đã tôn thêm bề dày văn hóa và sự hội lưu tộc người trên một vùng đất. Có thể thấy, trong con người và văn hóa Nha Trang - Khánh Hòa đã hình thành bốn đặc trưng tiêu biểu: *Chất hồn hậu, hào hiệp, chất biển* sâu đậm trong tính cách con người; *Chất khoan dung, nhân ái, giàu năng lực sáng tạo* của một không gian xã hội sớm có nhiều sự hợp luyện, chuyển giao văn hóa; *Chất kiên cường, bản lĩnh, cách mạng* trong phẩm chất của người miền Trung anh dũng; *Chất trí tuệ, giàu năng lực phân tích và khát vọng phát triển* trong tâm thức văn hóa của các cộng đồng dân cư từng trải nghiệm qua những công cuộc khai mở, dấn thân. Nhờ có đặc trưng, nguồn vốn, tài nguyên văn hóa đó mà người Nha Trang - Khánh Hòa đã cùng với cả nước kiên cường bám trụ, bảo vệ vững chắc nền độc lập, chủ quyền biên cương, biển đảo linh thiêng của Tổ quốc.

Sau khi đất nước thống nhất, Khánh Hòa đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong sự

nghiệp Đổi mới và hội nhập quốc tế. Mô hình phát triển đa ngành, kinh tế nhiều thành phần, kết hợp mở rộng liên doanh, liên kết trong nước, quốc tế để phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh đã đem lại diện mạo, năng lực mới về kinh tế, văn hóa, xã hội cho đất và người Nha Trang - Khánh Hòa.

Nha Trang là đô thị biển, năm 1995 (một thập niên sau Đổi mới) dân số thành phố biển Nha Trang lên đến 243.902 người, chiếm khoảng 32% dân số toàn tỉnh. Trong khi đó, dân số nội thị chiếm 80% cư dân thành phố. Trong tương quan với các tỉnh miền Nam Trung Bộ, dân số tập trung trong các đô thị tương đối cao. Có thể coi đó là một đặc điểm của các thành thị vùng Nam Trung Bộ. Số dân của các đô thị này trong những năm gần đây tiếp tục tăng nhanh: Nha Trang có số dân tăng cao hơn cả khoảng 10.000 người/năm, Quy Nhơn là 4.500 người/năm (Lê Bá Thảo, 2002: 440-441). Điều đó có thể dẫn đến hệ quả hai mặt, đó là số lao động ngày càng tập trung vào các đô thị và đến một chừng mực nào đó sẽ bổ sung kịp thời cho nguồn nhân lực trong các khu công nghiệp, khu du lịch và các vùng/ngành kinh tế khác. Đời sống, nếp sống đô thị cũng giúp cho nguồn nhân lực từ khu vực này tiếp cận, thích ứng mau chóng hơn với nền sản xuất công nghiệp hiện đại.

Tuy nhiên, nếu sức phát triển của kinh tế và năng lực thu hút nhân lực không tương thích với tốc độ tăng trưởng dân số tự nhiên thì sẽ nảy sinh những thách thức với các xã hội đô thị trên tất cả các phương diện. Nha Trang có nhiều điều kiện phát triển như là *Cực thủ phủ* của Nam Trung Bộ. Với phía bắc, khoảng cách của Nha Trang đến Quy Nhơn 200km và từ thành phố biển này đến Phan Thiết là 248km ở phía nam. Khoảng cách đó giờ đây không còn là trở ngại quá lớn khi hệ thống giao thông đường bộ, đường biển và đường sắt (trong tương lai) được cải thiện. Sự phát triển của Nha Trang - Khánh Hòa từng được triển khai theo hướng đa cực. Kế thừa kinh nghiệm của người Chăm xưa và tri thức quản lý, chính sách của các chúa Nguyễn Đàng Trong, Khánh Hòa đã thực hiện chiến lược phát triển nền kinh tế tổng hòa, để huy động hết, tập trung cao nhất mọi tiềm năng, động lực phát triển của các không gian kinh tế: Núi rừng, châu thổ - duyên hải và biển đảo. Bên cạnh đó, Nha Trang - Khánh Hòa nên thực hiện *Chính sách cân bằng động* trong chiến lược phát triển. Quan tâm phổ rộng, tư duy bao quát, toàn diện nhưng nên có trọng tâm, trọng điểm. Kinh tế biển (với tất cả các hoạt động liên quan đến biển, gắn với môi trường tự nhiên của biển trên cả 4 không gian: Không phận biển, trên mặt biển, trong lòng biển và dưới đáy đại dương), nên được chú trọng và đặt trong tầm nhìn xa rộng, kế hoạch phát triển xanh, bền vững của miền Trung và chiến lược phát triển quốc gia.

Nhiều người vẫn coi miền Trung là một khu vực nghèo, thiên nhiên khắc nghiệt, khó có nhiều tiềm năng, cơ hội phát triển. Nhưng gần đây, người ta đang dần có cái nhìn khác, cách tiếp cận mới về miền Trung nhất là vùng Nam Trung Bộ trong mối tương quan, so sánh với miền Bắc và Nam Bộ. Thực tế, không có vùng miền nào của đất nước lại có một không gian biển rộng lớn như miền Trung. Đã có nhiều nhà hoạch định chiến lược cho rằng: Miền Trung đã và đang tích hợp nhiều nhất nhân tố, điều kiện, cơ hội để phát triển bứt phá. Về lâu dài, khu vực này sẽ đóng vai trò là vùng động lực của Việt Nam và Đông Nam Á, nhất là với các quốc gia thuộc Đông Nam Á bán đảo, xa biển hoặc không có biển. Trong khi học thuyết "Duy vật địa lý" có nhiều điểm cần tiếp tục luận bàn thì rõ ràng, miền Trung - Nam Trung Bộ, trong đó có Nha Trang - Khánh Hòa, đang được coi như một không gian phát triển giàu tiềm năng và có nhiều khả năng đạt tốc độ tăng trưởng cao.

Miền Trung là không gian lãnh thổ có thể kết nối mau chóng, thuận lợi với các tuyến hàng hải quốc tế. Với tầm nhìn xa rộng, *Chiến lược*

biển Việt Nam đã chỉ rõ: "*Vùng biển và ven biển Bắc Trung Bộ, Duyên hải Trung Bộ (Thanh Hóa - Bình Thuận)*: Phát triển các cảng biển nước sâu trung chuyển quốc tế, cảng biển chuyên dụng gắn với các khu liên hợp công nghiệp, dầu khí, điện, năng lượng tái tạo, công nghiệp sạch; phát triển các trung tâm du lịch lớn; nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, dịch vụ hậu cần và hạ tầng nghề cá" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2018: 93-94).

Cùng với đó, *Chiến lược biển* cũng xác định chủ trương: việc lập quy hoạch các không gian biển phải xác định rõ vùng bảo vệ - bảo tồn, vùng đệm và vùng phát triển kinh tế - xã hội để phát triển bền vững kinh tế biển trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, bản sắc văn hóa, tính đa dạng của hệ sinh thái, bảo đảm tính liên kết vùng giữa địa phương có biển và không có biển. Theo đó, Quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 cũng đã xác định: Cảng biển Khánh Hòa là một trong 15 cảng biển loại I của Việt Nam. Khu vực cảng Khánh Hòa bao gồm: a) Khu bến Bắc Vân Phong; b) Khu bến Nam Vân Phong; c) Khu bến Nha Trang; d) Khu bến Cam Ranh; đ) Bến cảng huyện đảo Trường Sa; và e) Các khu neo đậu, chuyển tải, tránh, trú bão. Với khu bến Bắc Vân Phong thực hiện chức năng: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội liên vùng; tiềm năng phát triển cảng trung chuyển quốc tế; có bến container, tổng hợp, bến cảng khách quốc tế (Thủ tướng Chính phủ, 2021).

Thực hiện Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị *về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Khánh Hòa xác định và phấn đấu trở thành vùng phát triển năng động, nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, đồng thời có kế hoạch xây dựng một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn của cả nước với các khu kinh tế ven biển và hệ thống đô thị ven biển đạt chuẩn quốc gia và khu vực; là cửa ngõ ra biển của vùng Tây Nguyên và nước bạn Lào; là nơi các giá trị văn hóa, lịch sử và hệ sinh thái biển đảo, rừng được bảo tồn và phát huy.

Các cảng và vịnh biển của Nha Trang - Khánh Hòa có lợi thế căn bản để phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển xanh và phát triển năng lượng tái tạo "vô cực" của thế giới tự nhiên như sức gió, sức sóng và chế độ thủy triều (Nguyễn Chu Hồi, 2020: 406-435). Các vụng, vịnh biển luôn được các dãy đảo vươn ra che chở sẽ là điều kiện thuận lợi căn bản để xây dựng, mở rộng hệ thống giao thương khu vực, quốc tế. Vịnh Vân Phong có bán đảo Phước Mai. Vịnh Cam Ranh rộng đến 338km^2 được che chắn bởi bán đảo Cam Ranh đến 12km ở phía Nam có Núi Chúa cao 1.040m nên chỉ thông ra biển bởi một eo biển (eo Gule, Goulet). Đấy là vịnh biển đa chức năng, có tầm quan trọng chiến lược hàng đầu ở Đông Nam Á và châu Á.

Hình thành trong một không gian văn hóa mở, năng động, có truyền thống văn hóa, hợp lưu ngay trên vùng đất. Một vùng văn hóa mở, kiến tạo địa chất, hệ sinh thái đa dạng là tiềm năng, thế mạnh của Khánh Hòa. *Nha Trang - Khánh Hòa nên định hướng phát triển về phía biển, lấy biển làm môi trường sống, không gian sinh tồn, không gian phát triển chủ đạo*. Đó là sức mạnh, thế mạnh tổng hợp của Nha Trang - Khánh Hòa mà không phải địa phương nào cũng có thể có được. Khai thác sức mạnh đó chính là mục tiêu chiến lược, thể hiện tầm nhìn xa, lâu dài của Nha Trang - Khánh Hòa. Ngày 13 tháng 3 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã làm việc với lãnh đạo tỉnh Khánh Hòa. Các nhà lãnh đạo, chuyên gia đều cho rằng: Khánh Hòa có tiềm năng, thế mạnh, cơ hội rất lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là về điều kiện địa lý, tài nguyên thiên nhiên, truyền thống lịch

sử - văn hóa, đặc biệt là tài nguyên biển. Cùng với thềm lục địa và vùng lãnh hải rộng lớn, Khánh Hòa có 3 vịnh biển lớn (Vân Phong - Nha Trang - Cam Ranh), và quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược trọng yếu của đất nước. Khánh Hòa là tâm điểm kết nối giữa Tây Nguyên với Nam Trung Bộ, là cửa ngõ giao thương quốc tế cho cả Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Trên cơ sở phát huy tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh, Khánh Hòa xác định quy hoạch xây dựng huyện đảo Trường Sa thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước và là thành trì vững chắc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Nha Trang - Khánh Hòa có trữ lượng di sản văn hóa phong phú, đa dạng. Sắc thái văn hóa tộc người đặc sắc, có chiều sâu, có sự giao hòa độc đáo liên - xuyên văn hóa, thời gian. Nhiều thế kỷ đã trôi qua nhưng Tháp Bà Pô Inư Nagara và các di tích lịch sử văn hóa Nha Trang - Khánh Hòa vẫn là những chứng nhân lịch sử, sống cùng với cộng đồng, giữ nhịp cho cuộc sống và sự phát triển của cộng đồng. Nha Trang - Khánh Hòa còn là xứ sở yến sào, trầm hương: hai sản vật đồng thời cũng là hai di sản văn hóa nổi tiếng trong nước, quốc tế. Các di sản văn hóa đó đã và đang thu hút nhiều dòng người, trung tâm văn hóa, tôn giáo gần xa. Nhiều thế kỷ đã qua nhưng đàn đá Khánh Sơn vẫn vang ngân nhịp điệu của vũ trụ và thời gian, tạo niềm tin, động lực, khát vọng vươn đến thành công của một trung tâm di sản văn hóa - du lịch hàng đầu của khu vực, đất nước.

Tài liệu tham khảo

Alexandre de Rhodes. (1994). *Hành trình và truyền giáo*. Thành phố Hồ Chí Minh: Tủ sách Đại kết, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp. Hồ Chí Minh.

Claude Bourrin. (2009). *Đông Dương ngày ấy 1898-1908*. Hà Nội: Nxb. Lao Động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2018). *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22-10-2018. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.

Đào Duy Anh. (2005). *Đất nước Việt Nam qua các đời*. Hà Nội: Nxb. Văn hoá - Thông tin.

Đỗ Trường Giang. (2011). *Biển với lục địa - Thương cảng Thị Nại (Champa) trong hệ thống thương mại Đông Á thế kỷ X-XV*, trong: Nguyễn Văn Kim (Cb.): *Người Việt với biển*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

Hà Văn Tấn. (1999). *Khảo cổ học Việt Nam,* Tập 2, *Thời đại kim khí*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Hà Văn Tấn. (1997). *Suy nghĩ về Sa huỳnh và từ Sa Huỳnh*, trong: *Theo dấu các nền văn hóa cổ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Hoàng Quý. (2014). *Đình làng trong đời sống người dân Khánh Hòa*, trong Hội Văn học Nghệ thuật Khánh Hòa: *Văn hóa dân gian Khánh Hòa (Tuyển tập)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Huỳnh Lứa. (2002). Khánh Hòa từ giữa thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX. Tạp chí *Xưa & Nay*. Số 122, tr.12-13.

Lê Bá Thảo. (2002). *Việt Nam - Lãnh thổ và các vùng địa lý*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

Lê Quý Đôn. (1977). *Phủ biên tạp lục*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Momoki Shiro. (1999). Chămpa chỉ là một thể chế biển? (Những ghi chép về nông nghiệp và ngành nghề trong các tư liệu Trung Quốc). Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*. Số 4. tr.43-48.

Nguyễn Chu Hồi. (2020). (Cb.): *Kinh tế biển xanh - Các vấn đề và cách tiếp cận cho Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Nguyễn Công Bằng. (2002). Khái quát về văn hóa tiền sử & sơ sử Khánh Hòa. Tạp chí *Xưa & Nay*. Số 122.

Nguyễn Đình Đầu. (2002). Địa lý lịch sử tỉnh Khánh Hòa.Tạp chí *Xưa & Nay*. Số 122, tháng 8, tr.7-9.

Nguyễn Duy Thiệu. (2003). Các cộng đồng ngư dân thuỷ cư ở vùng biển Việt Nam. Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*. Số 6, tr.3-10.

Nguyễn Gia Nùng. (2002). Trầm hương ở Khánh Hòa. Tạp chí *Xưa & Nay*. Số 122, tr.48-49.

Nguyễn Hữu Thông. (2017). *Duyên hải miền Trung - Tây Nguyên: Sự kết nối bất phân ly về Địa lý - Kinh tế - Văn hóa trong lịch sử*, trong: *Nghiên cứu Văn hóa Miền Trung*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.

Nguyễn Man Nhiên. (2002). Địa danh Nha Trang. Tạp chí *Xưa & Nay*. Số 122, tr.25-27.

Nguyễn Văn Kim. (2022). Cây trầm hương, xứ trầm hương trong đời sống xã hội và lịch sử kinh tế Việt Nam. Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn*. Tập 8, Số 4, tr.397-416.

Nguyễn Văn Kim. (2019). *Hệ thống thương cảng miền Trung thời đại Champa*, trong: *Biển Việt Nam và các mối thương biển*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.

Nguyễn Văn Kim. (2021). *Huyền thoại về một vùng đất - Không gian văn hóa Tây Nguyên qua sử thi Ê-đê*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Phạm Văn Thủy. (2007). *Quan hệ của Malacca với các quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 1400-1511*, trong: Vũ Dương Ninh (Cb.): *Đông Nam Á - Truyền thống và hội nhập*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

Phan Huy Chú. (2007). *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 2. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

Phan Huy Chú. (1992). *Lịch triều hiến chương loại chí*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Phan Khoang. (1969). *Việt sử - Xứ Đàng Trong, 1558-1777*. Nhà sách Khai trí.

Phan Xuân Biên (và nnk). (1998). *Văn hóa và xã hội người Raglai ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Quách Tấn. (2002). *Xứ trầm hương*. Hội Văn học Nghệ thuật Khánh Hòa.

Quốc sử quán triều Nguyễn. (1997). *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 3. Huế: Nxb. Thuận Hóa.

Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

Trần Đức Cường. (2022). Phong trào yêu nước, chống Pháp của nhân dân Khánh Hòa. Tạp chí *Xưa & Nay*. Số 541, tr.26-33.

Trần Kiêm Hoàng. (2014). *Hình tượng sông, biển trong văn hóa dân gian của dân tộc Raglai ở Khánh Hòa*, trong Hội Văn học Nghệ thuật Khánh Hòa: *Văn hóa Dân gian Khánh Hòa*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Trần Quốc Vượng. (1996). *Đất Quảng - Cái nhìn địa lý - văn hóa và lịch sử*, trong: *Theo dòng lịch sử: Những vùng đất, thần và tâm thức người Việt*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa.

Trần Quốc Vượng. (1998). *Khánh Hòa - Một cái nhìn địa văn hóa*, trong: *Việt Nam: Cái nhìn Địa - văn hóa*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa. (2003). *Địa chí Khánh Hòa*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.